Name: ..... Class: 3 ....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (18 - 22/10/2021)

Thời gian	Nội dung học: Grammar 1 – Past Simple Tense
Thứ 2 (18/10)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo** (3 lần) Con mở file nghe bên cạnh nghe bài.

 **1. go → went**	 **2. make → made**	 **3. see → saw**	 **4. swim → swam**	 **5. drive → drove**
 **6. eat → ate**	 **7. take → took**	 **8. sleep → slept**	 **9. do → did**	 **10. sing → sang**

2) Con chuẩn bị bài nói của cô chuyên gia (Hạn nộp: Thứ 6 – ngày 22/10)

Con kể về các hoạt động con đã làm trong kì nghỉ của mình, quay video gửi lên Padlet.

Con có thể nói theo các gợi ý sau:

- *Where did you go?*

LIVEWORKSHEETS

	*I went **camping** by the river. / I went to the **beach/ mountains/ town/ city**.* • *Who did you go with?* *I went with my **family/ friends/ grandparents/ parents**.* • *How did you travel?* *I travelled by **car/ bus/ taxi/ train**.* • *What did you do there?* *I went fishing/ I played on the sand/ I walked up a hill/ I slept in a tent/, etc ..*
Thứ 3 (19/10)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo** (3 lần) Con mở file nghe bên cạnh nghe bài.

 **1. go → went**	 **2. make → made**	 **3. see → saw**	 **4. swim → swam**	 **5. drive → drove**
 **6. eat → ate**	 **7. take → took**	 **8. sleep → slept**	 **9. do → did**	 **10. sing → sang**

2) Làm phiếu số 1 trên Liveworksheets: *http://liveworksheets.com/workbooks*

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(20/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **"Track 01"** để nghe bài.

				
1. go → went	**2. make → made**	**3. see → saw**	**4. swim → swam**	**5. drive → drove**
				
6. eat → ate	**7. take → took**	**8. sleep → slept**	**9. do → did**	**10. sing → sang**

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở **file nghe bên cạnh** để nghe bài.

1 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>made</u> a fire at the campsite.**	**2** **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **We <u>sang</u> a song together.**

LIVEWORKSHEETS

	3 **What did you do at the campsite?**  **I swam in the river.** **4** **What did you do at the campsite?**  **I slept in the tent.** **3) Làm phiếu số 2 trên Liveworksheets:** *http://liveworksheets.com/workbooks*
Thứ 5 (21/10)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo** (2 lần) Con mở file nghe bên cạnh nghe bài.  **1. go → went**  **2. make → made**  **3. see → saw**  **4. swim → swam**  **5. drive → drove**  **6. eat → ate**  **7. take → took**  **8. sleep → slept**  **9. do → did**  **10. sing → sang** **2) Làm bài tập trong Workbook trang 36 + 37** **3) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo** (2 lần) (Con kéo xuống trang phía dưới)

LIVEWORKSHEETS

Con mở file nghe bên cạnh nghe bài.

1  **I didn't go fishing.**	2  **He didn't sleep in the sleeping bag.**
3  **She didn't see bear prints.**	4  **They didn't drive the cars.**

Thứ 6 (22/10)	**1) Làm bài tập trên Pearson Portal: http://english.com/login** **2) Làm phiếu số 3 trên Liveworksheets:** *http://liveworksheets.com/workbooks* **3) Hạn nộp video bài nói trên Team.**

~ THE END ~

LIVEWORKSHEETS